TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 16-01-2026
V/v " ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Yến và ông Phạm Văn Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Tiến- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 183/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc *" ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 10-10-1989

Số Căn cước công dân: 024189001223.Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 10-8-2021.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Anh Cao Văn H, sinh ngày 24-07-1987.

Số căn cước công dân 022087005879. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 12-8-2021.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng

(Chị D, anh H đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14-

02-2012 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường N, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Ngoài ra anh H còn mải chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con và không chung thủy, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác (tuy nhiên chị không có bằng chứng để giao nộp cho Toà án). Mâu thuẫn vợ chồng đã được chị và gia đình khuyên giải nhưng anh H không thay đổi. Bản thân chị luôn bị áp lực căng thẳng về tâm lý dẫn đến bệnh trầm cảm nhiều năm. Hiện nay tuy anh chị sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh H.

- *Về con chung:* Chị và anh H có 3 con chung là cháu Cao Thu H1, sinh ngày 28-09-2012; cháu Cao Thu H2, sinh ngày 10-10-2018; cháu Cao Tuấn A, sinh ngày 01-12-2023. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H2 và cháu Tuấn A; giao cháu H1 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm lao động tự do, thu nhập trung bình hàng tháng ổn định khoảng 7.000.000 đồng/tháng đủ khả năng để nuôi dưỡng các con, ngoài ra chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở và giúp chị chăm sóc nuôi dưỡng con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn H trình bày: Về điều kiện kết hôn và con chung như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian dài. Từ tháng 02-2025 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh mải chơi khoảng 2 – 3 tháng khiến chị D không còn tình cảm với anh. Nay chị D làm đơn ly hôn, anh không muốn ly hôn và mong Tòa án giúp anh hòa giải để vợ chồng chung sống với nhau, trường hợp chị D kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên sau đó anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị D xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 3 con chung là Cao Thu H1, sinh ngày 28-09-2012; Cao Thu H2, sinh ngày 10-10-2018; Cao Tuấn A, sinh ngày 01-12-2023. Nay vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi hai cháu là cháu Cao Thu H1 và Cao Thu H2. Anh chỉ đồng ý cho chị D nuôi cháu Tuấn A. Anh không đồng ý giao cháu H2 cho chị D nuôi dưỡng vì hiện tại chị D chưa có công việc làm ổn định, điều kiện sinh sống ở quê ngoại cũng không đảm bảo. Hiện tại anh thu nhập ổn định khoảng 25 - 30 triệu/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Cao Văn H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bình bày tại quá trình Toà án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Cao Văn H.

2.Về con chung: Giao con chung là Cao Thu H2, sinh ngày 10-10-2018 và Cao Tuấn A, sinh ngày 01-12-2023 cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Cao Thu H1, sinh ngày 28-9-2012 cho anh Cao Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng.Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị D và anh H cùng tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị D và anh Cao Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Cao Văn H. Anh H có đăng kí hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, phường N, thành phố Hải Phòng. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Cao Văn H được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn vào ngày 14-02-2012 tại UBND xã H, huyện

K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường N, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị D và anh H cùng xác định vợ chồng mâu thuẫn thời gian dài và không còn tình cảm nữa. Chị D xin ly hôn anh đồng ý. Xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, hoà giải không được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D xin ly hôn anh H là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị D và anh H có 3 con chung là Cao Thu H1, sinh ngày 28-09-2012; Cao Thu H2, sinh ngày 10-10-2018; Cao Tuấn A, sinh ngày 01-12-2023. Nay vợ chồng ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H2 và cháu Tuấn A. Anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2. Xét nguyện vọng nuôi con của các bên là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Về điều kiện nuôi dưỡng các con anh H và chị D đều có đủ khả năng để chăm sóc giáo dục. Tuy nhiên để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho các cháu Hội đồng xét xử cũng cần đánh giá nguyện vọng cũng như tâm lý phát triển của trẻ. Cháu Tuấn A dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, cháu H2 là con gái đang ở độ tuổi trưởng thành và có nguyện vọng ở với mẹ nên cần tiếp tục giao cháu Tuấn A và cháu Thu H2 cho chị D được nuôi dưỡng. Cháu Thu H1 có nguyện vọng ở với anh H nên cần tiếp tục giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng.

Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh H cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh H cùng tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Cao Văn H.

2.Về con chung: Giao con chung là Cao Thu H2, sinh ngày 10-10-2018 và Cao Tuấn A, sinh ngày 01-12-2023 cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Cao Thu H1, sinh ngày 28-9-2012 cho anh Cao Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị D và anh H cùng tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị D và anh Cao Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/25E số 0002680 ngày 26-9-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt